

TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM ĐỀ THI THỬ SỐ 02 (Đề thi gồm 4 trang)	ĐỀ THI THỬ KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 Môn thi: TIẾNG ANH Ngày thi: tháng năm Thời gian làm bài: 60 phút (Không kể thời gian giao đề)						
Họ và tên thí sinh: _____ Trường: _____ Số báo danh: _____	Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	Số thứ tự bài Mật mã bài thi				
Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	Số thứ tự bài Mật mã bài thi			
Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm tổng

Lưu ý: Thí sinh ghi câu trả lời của mình vào **Phần trả lời** ở cuối mỗi phần đề thi.

1. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in each sentence. (2.5 pts.)

1. Passover is celebrated in Israel and by all _____ people.
A. English B. Vietnamese C. Japanese D. Jewish

2. Do you know the man _____ car Jack driving?
A. who B. whom C. which D. whose

3. Many people became _____ because of the natural disasters every year.
A. homeland B. home sick C. homeless D. homework

4. A _____ is a tropical storm which reaches 120 km per hour in North and South America.
A. cyclone B. typhoon C. hurricane D. tornado

5. We couldn't go on a picnic as planned _____ it was raining hard.
A. however B. but C. because D. so

6. Chocolate and eggs are what children receive _____ Easter.
A. at B. on C. in D. with

7. A disastrous earthquake _____ Sichuan in China last May.
A. collapsed B. struck C. occurred D. erupted

8. _____ Christmas Eve, people often have parties late at night.
A. In B. At C. On D. From

9. Da Lat, _____ she spent her childhood, is well-known for beautiful spots.
A. that B. which C. where D. when

10. "I promise I won't be late again." - "_____."
A. That's a good idea B. I hope so
C. No, thanks D. I'm sorry I can't

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào các ô trả lời.

Phản trả lời: 1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____ 5. _____

6. _____ 7. _____ 8. _____ 9. _____ 10. _____

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

II. Choose the best answer (A, B, C or D) for the following picture or sign. (0.5 pt.)

11.

- A. Do not leave your feet touching the grass.
- B. Riding your bicycle in this area.
- C. You can play soccer in this place.
- D. You can throw the trash here.



12.

- A. Cameras cannot be used near this school.
- B. You must look after your cameras here.
- C. This school is guarded by cameras.
- D. The teacher doesn't look at the cameras.

- WARNING -
Security cameras in use around this school.

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu

trả lời đúng vào các ô trả lời.

Phần trả lời: 11. _____ 12. _____

III. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage. (1.5 pts.)

Before the 1960s, Singapore was essentially a trading nation. Since (13) _____, it has developed a more varied economy and has (14) _____ an important financial, trade, and transportation center. Singapore has many banks, insurance, and finance companies, as (15) _____ as a stock exchange. Tourism is also important to the economy of Singapore.

There is (16) _____ unemployment in Singapore. The country's annual income per capita (per person) is one of the highest in Asia. The government of Singapore plays a major role in the country's economy. For example, it decides what benefits, such as vacation and sick leave, must be (17) _____ for workers by employers. It also operates an employment agency to help people find jobs, and it provides (18) _____ for retired workers.

13. A. then	B. that	C. there	D. those
14. A. adapted	B. adjusted	C. become	D. turned
15. A. long	B. far	C. much	D. well
16. A. few	B. little	C. a little	D. a few
17. A. provided	B. given	C. offered	D. handed
18. A. wages	B. fees	C. earnings	D. pensions

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào các ô trả lời.

Phần trả lời: 13. _____ 14. _____ 15. _____ 16. _____ 17. _____ 18. _____

IV. Read the passage, and then decide if the statements that follow it are TRUE or FALSE. (1.5 pts.)

The Internet has rapidly developed and become part of our daily life. It is a very fast and convenient way to get information. People use the Internet for many purposes: education, communication, entertainment and commerce. The internet helps people communicate with my friends and relatives by means of e-mail or chatting. However, the Internet has some limitations. It is time-consuming and costly. It is also dangerous because of viruses and bad programs. On the other hand, the Internet users sometimes have to suffer various risks such as spam or electronic junk mail, and personal information leaking. In conclusion, the Internet has both advantages and disadvantages.

19. The Internet has developed very quickly nowadays.
20. It is very inconvenient to get information from the Internet.
21. We only use the Internet for studying to improve our knowledge.
22. The Internet is not only advantageous but also disadvantageous.
23. According to the passage, it talks about _____.
A. education B. Internet C. Entertainment D. chatting
24. The Internet is _____ in our daily life.
A. easy B. difficult C. safe D. important

Thí sinh viết đầy đủ từ True hoặc False vào ô trả lời.

Mọi cách viết khác đều không được chấm điểm.

Phần trả lời: 19. _____ 20. _____ 21. _____ 22. _____ 23. _____ 24. _____

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts.)

25. Gas and oil _____ always increases in cold weather. (**consume**)
26. His dream is to be an _____ like his father when he grows up. (**economy**)
27. It is said that traveling by plane is _____ safer than other form of travel. (**consider**)
28. The tools should be stored in a place where they are easily _____. (**access**)
29. Many countries are trying their best to decrease the population _____ rate. (**grow**)
30. The government refused to _____ money for the project. (**provision**)

Phần trả lời: 25. _____ 26. _____ 27. _____

28. _____ 29. _____ 30. _____

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

VI. Put the words in the correct order to make meaningful sentences. (0.5pt.)

31. has just won/ Trang/ in/ the first prize/ speaking contest/ the English/. //

32. is/ is celebrated/ a joyful festival/ in many countries/ Easter/ which/. //

Phản trả lời:

31. Trang _____

32. Easter _____

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (2.0 pts.)

33. When did you last spend Christmas with your family?
→ How long is it?

34. A building was destroyed in the fire. It has now been rebuilt.
→ The building

35. About thirty million people are watching this program.
→ This program

36. You are tired because you often stay up late.
→ If you

Phản trả lời:

33. How long is it _____ ?

34. The building _____

35. This program _____

36. If you _____

THE END OF THE TEST